

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN CHÂU  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 328/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2020

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Khuyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2020/QĐXXST-HN ngày 31 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 234/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Trúc L, sinh năm 2000; Địa chỉ: Số 207, ấp B, xã P, huyện A, tỉnh An Giang;

- Bị đơn: Anh Võ Vũ H, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số 609, ấp B, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang.

Chị L có mặt tại phiên tòa; Anh H vắng mặt không lý do

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Trúc L trình bày: Năm 2018, chị L và anh Võ Vũ H tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Sau lễ cưới, chị L và anh H sinh sống và làm việc tại tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu, chị L và anh H chung sống hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng

quan điểm sống về tình cảm, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Anh H có hành vi bạo lực gia đình. Chị L và anh H sống xa nhau từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không thể hàn gắn, chị L yêu cầu ly hôn với anh Võ Vũ H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị L và anh H có 01 con chung tên: Võ Như A, sinh ngày 03/3/2019. Hiện con chung đang sống chung với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 207/TB-TLVA ngày 06/5/2020 cho anh Võ Vũ H thông qua người thân là ông Võ Văn Ph (cha ruột anh Võ Vũ H) nhận thay và ông Ph xác nhận có thông tin cho anh H biết về việc chị L khởi đơn kiện ly hôn với anh H tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của anh H đối với yêu cầu của chị L và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) của anh H gửi cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành hòa giải về con chung, không hòa giải về tình cảm do chị L và anh H không đăng ký kết hôn.

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về con chung nhưng anh H vắng mặt theo các lần triệu tập của Tòa án nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về con chung được. Ngày 13/7/2020, Tòa án ban hành Thông báo số 508/TB-TA về việc công khai tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập cho anh Võ Vũ H được biết thông qua việc tổng đạt cho người thân nhận thay (ông Võ Văn Ph cha ruột anh Võ Vũ H) nhưng anh H không gửi văn bản ghi ý kiến của anh H cho Tòa án.

- Tại phiên tòa, anh H vắng mặt, chị L kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh H.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Phan Thị Trúc L cung cấp: Kết quả xác nhận ngày 12/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã G, thị xã T, tỉnh An Giang về việc chị L và anh H chưa đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, thị xã T, tỉnh An Giang; Kết quả xác nhận ngày 12/5/2020 của Công an xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang về việc chị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại hộ khẩu số 5313, ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang; Kết quả xác nhận ngày 13/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang về việc chị L chưa đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang; Kết quả xác nhận ngày 12/5/2020 của Ban ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang về việc chị L có sinh sống tại địa phương và hoàn thành nhiệm vụ nuôi con chung.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh Công an xã G, thị xã T; Biên bản xác minh (ghi lời khai) ông Võ Văn Ph (cha ruột anh H). Cụ thể:

- Công an xã G, thị xã T cung cấp: Võ Vũ H, sinh năm 1995, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã G, thị xã T, tỉnh An Giang chung với chủ hộ tên Võ Văn Ph (cha ruột của anh H). Hiện nay, anh H đi làm ăn xa, vắng mặt tại địa phương.

- Ông Võ Văn Ph (cha ruột của Võ Vũ H) cung cấp: Phan Thị Trúc L có xin ly hôn Võ Vũ H tại Tòa án thị xã Tân Châu. Ông Ph đã nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt cho H và có thông báo cho H biết qua điện thoại nhưng H không về Tòa án được do bận đi làm. H và L tự tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến sống chung như vợ chồng năm 2018, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức lễ cưới thì H và L đi làm và sinh sống chủ yếu ở Bình Dương nên ông Ph cũng không biết L và H chung sống như thế nào, có hạnh phúc hay không. Khoảng tháng 3/2020, ông Ph biết L và H đang sống xa nhau. H và L có 01 con chung tên Võ Như A, sinh năm 2019. Hiện cháu Như A đang được L nuôi dạy tốt, gia đình L có đủ điều kiện về kinh tế nuôi dạy cháu Như A. Ông Ph đồng ý tiếp tục nhận thay văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt cho H và cam kết thông báo cho H biết về việc Tòa án triệu tập H.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Năm 2018, chị L và anh H tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn nên không được xem là hôn nhân hợp pháp. Tháng 5 năm 2019, chị L và anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Anh H có hành vi bạo lực gia đình. Chị L và anh H sống xa nhau từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay. Tình cảm của chị L và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Chị L yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ.

Về con chung: Chị L có yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu Võ Như A, sinh ngày 03/3/2019, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị Trúc L và anh Võ Vũ H là vợ chồng.

Về con chung: Chị Phan Thị Trúc L được nuôi dạy cháu Võ Như A, sinh ngày 03/3/2019. Anh Võ Vũ H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Phan Thị Trúc L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *\* Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Phan Thị Trúc L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Vũ H. Anh H có nơi cư trú: Số 609, ấp B, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Võ Vũ H được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Kiểm sát tuân theo pháp luật: Vụ án Tòa án tiến hành thu thập xác minh chứng cứ nên Kiểm sát viên sẽ tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

#### *\* Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Năm 2018, chị L và anh Võ Vũ H tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

Chị L khai: Sau lễ cưới, chị L và anh H sinh sống và làm việc tại tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu, chị L và anh H chung sống hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Anh H có hành vi bạo lực gia đình. Chị L và anh H sống xa nhau từ

tháng 5 năm 2019 cho đến nay. Tình cảm không thể hàn gắn, chị L kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Võ Vũ H.

Biên bản xác minh (ghi lời khai) ông Võ Văn Ph (cha ruột anh H): H và L tự sống chung, không đăng ký kết hôn, đi làm và sinh sống chủ yếu ở Bình Dương nên ông Ph cũng không biết L và H chung sống như thế nào, có hạnh phúc hay không. Đến khoảng tháng 3 năm 2020, ông Ph mới biết L và H đang sống xa nhau.

Theo kết quả xác nhận ngày 12/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã G, thị xã T, tỉnh An Giang về việc chị L và anh H chưa đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, thị xã T, tỉnh An Giang; Kết quả xác nhận ngày 13/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang về việc chị L chưa đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”*.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”*.

Chị L và anh H chung sống với nhau có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Xét, không công nhận chị Phan Thị Trúc L và anh Võ Vũ H là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung tên: Võ Như A, sinh ngày 03/3/2019; Không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Biên bản xác minh ông Võ Văn Ph (cha ruột anh H): L đang nuôi dạy cháu Như A tốt, gia đình L có đủ điều kiện về kinh tế nuôi dạy cháu Như A. Từ khi cháu Như A chào đời cho đến nay thì L trực tiếp nuôi dạy, H không phụ giúp L nuôi dạy Như A.

Kết quả xác nhận ngày 12/5/2020 của Ban ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang về việc chị L có sinh sống tại địa phương và hoàn thành nhiệm vụ nuôi con chung.

Xét, chị L yêu cầu được nuôi dạy con chung Võ Như A, sinh ngày 03/3/2019, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

Chị Phan Thị Trúc L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Võ Vũ H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị L đã nộp.

Anh H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phan Thị Trúc L và anh Võ Vũ H là vợ chồng.

Về con chung: Chị Phan Thị Trúc L được nuôi dạy cháu Võ Như A, sinh ngày 03/3/2019 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Võ Vũ H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phan Thị Trúc L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Võ Vũ H trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Phan Thị Trúc L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2017/0002593 ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu; Chị L đã nộp đủ án phí.

Anh Võ Vũ H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị Phan Thị Trúc L là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Võ Vũ H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Bạch Tuyết**

